

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2019/DS-PT

Ngày 17-7-2019

V/v tranh chấp về thừa kế
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Lực

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thành Trung

Ông Huỳnh Đắc Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Nang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2018/TLPT-DS, ngày 31/5/2018 về việc tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 29/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 335/2018/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2018 và Thông báo tiếp tục phiên tòa 138/TB-TA ngày 02/7/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Kim K, sinh năm 1958, địa chỉ ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Thanh L - Văn phòng Luật sư Hai Ngoan thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Kim X, sinh năm 1952, địa chỉ ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

1. Bà Kim Thị X, sinh năm 1957, địa chỉ ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2. Bà Kim Thị Sa M, (tên gọi khác Kim Thị Sa M') sinh năm 1952, địa chỉ ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

3. Ông Kim V, sinh năm 1965, địa chỉ ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn:*

1. Bà Kim Thị Sam B, sinh năm 1963;
2. Anh Kim Sa Vach T, sinh năm 1983;
3. Chị Kim Thị Chan Đ, sinh năm 1991;
4. Anh Kim Thanh H, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà B, anh T, chị Đ, anh H: Ông Kim X, sinh năm 1952, địa chỉ ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Ông Kim K là nguyên đơn trong vụ án.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án ông Kim K trình bày:*

Vợ chồng cụ Kim D (chết năm 1983) và cụ Kim Thị B (chết năm 2010) có chung với nhau 05 người con gồm:

1. Bà Kim Thị Sa M (tên gọi khác Kim Thị Sa M');
2. Kim X (là bị đơn);
3. Kim K (là ông);
4. Kim Thị X;
5. Kim V.

Khi cụ Kim D và cụ Kim Thị B còn sống có tạo lập được nhiều thửa đất, khi các anh chị em của ông có gia đình đều được cha mẹ cho đất, trong đó có người đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có người trực tiếp sử dụng đất nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ B đứng tên.

Thửa đất 408 diện tích 3090m² tọa lạc ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh hiện do gia đình ông Kim X đang quản lý sử dụng có nguồn gốc là của cụ Kim D, sau khi cụ D chết thì cụ B kê khai đăng ký và được đứng tên quyền sử dụng đất vào năm 1995. Năm 2005, ông X tự ý làm thủ tục chuyển tên từ mẹ ông sang ông X mà không có sự đồng ý của anh em trong gia đình. Do cha mẹ chết không để lại di chúc, nên ông khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Kim X và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 408 diện tích 3090m², ông đồng ý chiếc thửa giao cho gia đình ông X được sử dụng phần đất theo hiện trạng, còn lại bao nhiêu yêu cầu chia thành 05 phần bằng nhau, ông xin nhận một phần bằng hiện vật. Đối với các thửa đất còn lại mẹ ông vẫn còn đứng tên hiện các anh em khác của ông đang canh tác, ông không yêu cầu chia.

** Bị đơn ông Kim X trình bày:*

Ông thống nhất lời trình bày của ông Kim K về cha mẹ và anh em ruột

trong gia đình.

Diện tích đất ông Kim K khởi kiện yêu cầu ông chia thừa kế ông thừa nhận có nguồn gốc của cụ D và cụ B. Tuy cụ D và cụ B là vợ chồng nhưng 02 người không sống chung. Cụ D khi còn sống trực tiếp sử dụng thửa đất 408. Năm 1978 ông cưới vợ thì sống chung với cụ D và cùng sử dụng thửa đất 408. Năm 1983 cụ D chết, gia đình ông tiếp tục sử dụng đất cho đến nay. Do đất là của cha mẹ, nên quá trình sử dụng đất ông không có kê khai đăng ký mà do cụ B khi còn sống kê khai nên năm 1995 cụ B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do ông là người trực tiếp sử dụng đất và cũng chưa được cha mẹ cho đất, nên vào năm 2005 cụ B đã cho ông thửa đất này. Vì vậy, ông đã làm thủ tục sang tên và được điều chỉnh vào trang tư của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ B.

Do đất là của cụ B đã cho ông hợp pháp, nên không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của ông Kim K.

Ngày 05/10/2014, ông Kim X có đơn phản tố yêu cầu chia thừa kế tài sản do bà B để lại, yêu cầu được hưởng thửa đất 527 diện tích 3.010m² hiện do ông Kim K đang sử dụng và yêu cầu ông Kim K trả 05 chỉ vàng. Ngày 04/12/2017, ông X có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông Kim K.

** Theo các đơn yêu cầu độc lập và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kim Thị X, bà Kim Thị Sa M và ông Kim V trình bày:*

Thống nhất như lời trình bày của ông Kim X về cha mẹ, anh em ruột trong gia đình và nguồn gốc đất tranh chấp. Bà Kim Thị X, bà Kim Thị Sa M và ông Kim V cùng có yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Kim X và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 408 diện tích 3090m², đồng ý tách giao cho gia đình ông X được sử dụng phần đất theo hiện trạng, còn lại bao nhiêu yêu cầu chia thành 05 phần bằng nhau, mỗi người xin nhận một phần bằng hiện vật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 29/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Kim K, yêu cầu độc lập của bà Kim Thị X, bà Kim Thị Sa M, ông Kim V chia thừa kế quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 408 diện tích 3.090m² tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh do hộ ông Kim X đứng tên.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Kim X xin được hưởng thừa kế tài sản do bà B để lại đối với thửa đất 527 diện tích 3.010m² hiện do ông Kim K đang sử dụng và yêu cầu ông Kim K trả 05 chỉ vàng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện, yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 09/02/2018, ông Kim K có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Ngày 28/02/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh kháng nghị đề nghị sửa án sơ thẩm với các lý do:

- Thứ nhất, bị đơn ông Kim X có yêu cầu phản tố yêu cầu được hưởng thừa kế tài sản do bà B để lại đối với thửa đất 527 diện tích 3.010m² và yêu cầu ông Kim K trả 05 chỉ vàng, nhưng chỉ xác định một quan hệ pháp luật tranh chấp là chia thừa kế quyền sử dụng đất, thiếu quan hệ đòi lại tài sản theo khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Kim K và ông Kim V, bà Kim Thị Sa M, bà Kim Thị X còn có yêu cầu chia cây trồng trên đất được Tòa án thụ lý, tiến hành thẩm định, định giá cây trồng, nhưng khi giải quyết, bản án sơ thẩm không đề cập đến việc chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu này là thiếu sót, vi phạm Điều 5, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thứ hai, về án phí: Bản án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Kim K, yêu cầu độc lập của bà Kim Thị X, bà Kim Thị Sa M, Ông Kim V, nhưng lại thu tiền án phí mỗi người phải chịu là 1.854.000 đồng là không đúng theo khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 12 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Theo Điều 12 Nghị quyết 01/2012 quy định khi có tranh chấp chia thừa kế thì “...*đối với phần Tòa án bác đơn yêu cầu thì người yêu cầu chia tài sản chung, di sản thừa kế không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm*”.

Như vậy, trường hợp này thì ông Kim K, bà Kim Thị X, bà Kim Thị Sa M, ông Kim V không phải chịu án phí đối với yêu cầu chia thừa kế.

- Thứ ba, phần quyết định không chấp nhận yêu cầu của ông Kim K bà Kim Thị X, bà Kim Thị Sa M, ông Kim V, nhưng lại công nhận diện tích 3.090m², thửa 408, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh do hộ ông Kim X đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không cần thiết. Vì Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Kim K, bà Kim Thị X, bà Kim Thị Sa M, ông Kim V thì không làm thay đổi chủ thể đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Kim K vẫn giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến tranh luận:*

Thửa đất 408 diện tích 3090m² tọa lạc ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh là của cụ Kim Thị B. Khi còn sống cụ B làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông Kim X không đúng pháp luật, nên thửa đất này là di sản của cụ B. Cụ B chết không để lại di chúc nên ông Kim K khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Kim K.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định kháng nghị trên cơ sở xem xét bản án mà không được kiểm sát hồ sơ. Vì vậy trong quyết định kháng nghị có nội dung cho rằng Tòa án sơ thẩm xác định thiếu quan hệ đòi lại tài sản theo khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự là chưa chính xác, nên điều chỉnh không kháng nghị nội dung này. Các phần khác của kháng nghị vẫn giữ nguyên.

Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Án sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Bởi vì đất là của cụ B nhưng thực tế gia đình ông Kim X trực tiếp sử dụng từ năm 1979 cho đến nay, ông X đã làm nhà ở và trồng cây lưu niên không ai ngăn cản hay phản đối, thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ cụ B sang ông Kim X được Ủy ban nhân dân huyện C khẳng định là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Kim X, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh, sửa án sơ thẩm về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật cần phải giải quyết trong vụ án: Ông Kim K khởi kiện ông Kim X yêu cầu chia thừa kế tài sản quyền sử dụng đất đối với thửa đất 408 diện tích 3090m² tọa lạc ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Bị đơn ông Kim X phản tố yêu cầu chia thừa kế tài sản do cụ B để lại, yêu cầu được hưởng thửa đất 527 diện tích 3.010m² hiện do ông Kim K đang sử dụng và yêu cầu ông Kim K trả 05 chỉ vàng, nhưng đến ngày 04/12/2017 ông X rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông Kim K. Bà Kim Thị X, bà Kim Thị Sa M và ông Kim V cùng có yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 408 diện tích 3090m². Như vậy, trong vụ án này Tòa án phải giải quyết tranh chấp về thừa kế đối thửa đất 408, 527 và tranh chấp đòi 05 chỉ vàng. Do ông Kim X đã rút toàn bộ yêu cầu phản tố trước khi vụ án được đưa ra xét xử, nên khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Kim X trong bản án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp còn lại phải giải quyết trong vụ án là “tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất” là đúng pháp luật, không thừa, không thiếu.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Kim K và yêu cầu độc lập của bà Kim Thị X, bà Kim Thị Sa M và ông Kim V. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Kim K kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét, giải quyết trong phạm vi có kháng cáo, kháng nghị.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự có mặt đều xác định tài sản tranh chấp trong vụ án có nguồn gốc của cụ Kim Thị B. Ông Kim K là người trực tiếp sử dụng đất từ năm 1978 cho đến nay. Tài sản có trên đất gồm các loại cây lưu niên như Tòa án đã thẩm định do ông Kim X trồng và tự mọc, cụ B không có tạo lập bất cứ tài sản gì trên đất. Như vậy có đủ căn cứ khẳng định đất

là có nguồn gốc của cụ B, tài sản trên đất là của ông Kim K nên tài sản tranh chấp chỉ là quyền sử dụng đất.

[4] Về nội dung vụ án: Do đất là của cụ B nên việc định đoạt do cụ B quyết định, các con của cụ B không ai có quyền này. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện vào năm 2005 cụ B chuyển quyền sử dụng đất cho ông Kim X đã hoàn thành thủ tục pháp lý. Ủy ban nhân dân huyện C có ý kiến tại văn bản số 1752/UBND-NC ngày 25/10/2013 có nội dung *“Việc cấp giấy cho bà B năm 1995 và việc cấp cho ông X do nhận tặng cho năm 2005 đối với thửa 408 diện tích 3.090m² tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh là đúng quy định pháp luật”*. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông Kim K nên chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa bác kháng cáo của ông Kim K.

[5] Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý ngày 27/12/2011 nên theo quy định tại Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Tòa án phải áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 để tính án phí. Tại Điều 12 của Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án có quy định: *“Khi các bên đương sự không xác định được phần tài sản của mình hoặc mỗi người xác định phần tài sản của mình trong khối tài sản chung, phần di sản của mình trong khối di sản thừa kế là khác nhau và có tranh chấp thì mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, được hưởng trong khối tài sản chung hoặc trong khối di sản thừa kế. Đối với phần Tòa án bác đơn yêu cầu thì người yêu cầu chia tài sản chung, di sản thừa kế không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm”*. Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử không áp dụng quy định này mà buộc ông Kim K, ông Kim V, bà Kim Thị X, bà Kim Thị Sa M phải chịu án phí có giá ngạch là không đúng, nên chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh, sửa án sơ thẩm về án phí theo hướng không buộc các đương sự phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 12 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Kim K, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh, sửa án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Kim K, yêu cầu độc lập của bà Kim Thị X, bà Kim Thị Sa M, ông Kim V chia thừa kế quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 408 diện tích 3.090m² tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh do hộ ông Kim X đứng tên.

Công nhận diện tích đất 3.090m² (và các tài sản gắn liền trên đất như: nhà, vật kiến trúc và cây cối trên đất) thuộc thửa 408 tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh do hộ ông Kim X đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng. Đất có tứ cận như sau:

- Hướng đông giáp đường đất.
- Hướng tây giáp thửa 413.
- Hướng nam giáp thửa 409.
- Hướng bắc giáp thửa 407.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Kim X chia thừa kế các thửa đất thửa 530, 755, 754, 955, 942, 527, 537, 655, 654, 425, 993, 814 tổng diện tích 17.555m² ông yêu cầu được hưởng thửa 527 diện tích 3.010m² và yêu cầu ông Kim K trả 05 chỉ vàng 10k do ông Kim X rút đơn khởi kiện.

Về chi phí đo đạc, khảo sát, thẩm định và định giá: Số tiền phải nộp là 14.960.000 đồng. Trong số tiền này buộc ông Kim X phải nộp 3.985.337 đồng. Ông Kim K, ông Kim V, bà Kim Thị X, bà Kim Sa Mưone mỗi người phải nộp 2.743.665 đồng. Ông Ke đã nộp tạm ứng trước là 10.000.000 đồng, ông Kim X đã nộp tạm ứng trước là 5.000.000 đồng chỉ cho Hội đồng khảo sát định giá xong. Chi cục Thi hành án dân huyện C, tỉnh Trà Vinh thu từ bà X, bà Sa M, ông V để giao trả lại cho ông K 7.216.335 đồng và ông X 1.014.663 đồng. Số tiền còn lại 40.000 đồng ông Kim K được quyền liên hệ Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh để nhận lại.

2. Về án phí:

- **Án phí dân sự sơ thẩm:** Miễn toàn bộ cho ông Kim K, ông Kim X, ông Kim V, bà Kim Thị X, Kim Thị Sa M.

Hoàn trả cho ông Kim K số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001787 ngày 26/12/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Hoàn trả cho ông Kim V số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000133 ngày 13/3/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Hoàn trả cho Kim Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004549 ngày 31/5/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Hoàn trả cho Kim Thị Sa M số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004548 ngày 31/5/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Hoàn trả cho ông Kim X số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007682 ngày 31/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- **Án phí dân sự phúc thẩm:** Ông Kim K được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Kim K số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015059 ngày 12/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Lực

